

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**NGÂN HÀNG TMCP
KỸ THƯƠNG VIỆT NAM**

Số: 1898-QĐ/2025 /TCKH-TCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
 - Mã chứng khoán: TCB
 - Địa chỉ trụ sở chính: Techcombank Tower, 06 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - Điện thoại: +84 (0243) 944 6368
 - Fax: +84 (0243) 944 6362
 - Người thực hiện công bố thông tin: Bà Thái Hà Linh
 - Chức vụ: Giám đốc Kế toán, Chính sách Tài chính và Thuế
- Loại thông tin công bố: ☐ định kỳ ☒ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

- QĐ ban hành Điều lệ Techcombank, sửa đổi, bổ sung năm 2025; QĐ ban hành Quy chế tổ chức & HD của HĐQT
 - NSĐ 0279/2025/HĐQT - TCB về phê duyệt GD/HĐ giữa TCB với TCB S. là NCLR với TCB về cung cấp các dịch vụ liên quan
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng vào ngày 29/ 4 /2025 tại đường PHRL TP dẫn: <https://www.techcombank.com.vn/nha-dau-tu>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Tài liệu đính kèm/

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC KẾ TOÁN
CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH VÀ THUẾ
THÁI HÀ LINH**

Số: 0271/2025/QĐ-HĐQT-TCB

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc công bố Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị
Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam)

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020
- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;
- Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 38/GP-NHNN ngày 06/3/2018 (được cấp đổi Giấy phép hoạt động số 0040/QĐ-NH5 ngày 06/8/1993) của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank);
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Techcombank ngày 26/4/2025,

NAY CÔNG BỐ

Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam số 08/2025/QyĐ1-TCB ngày 29 tháng 4 năm 2025 đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2025.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Hồ Hùng Anh**

QUY CHẾ SỐ 08/2025/QyĐ1-TCB NGÀY 29/4/2025**(Về Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị****Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam)****MỤC LỤC**

CHƯƠNG I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG	3
Điều 2. ĐỊNH NGHĨA/THUẬT NGỮ.....	3
Điều 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	3
Điều 4. NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 5. NGUYÊN TẮC ỦY QUYỀN CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	5
CHƯƠNG II. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC THÀNH VIÊN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	5
Điều 6. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	5
Điều 7. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	8
Điều 8. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
Điều 9. NGHĨA VỤ CỦA CHỦ TỊCH VÀ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	10
CHƯƠNG III. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN BẦU, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	11
Điều 10. NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM NHIỆM CHỨC VỤ	11
Điều 11. NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG CÙNG ĐẢM NHIỆM CHỨC VỤ	12
Điều 12. NHỮNG TRƯỜNG HỢP ĐƯƠNG NHIÊN MẤT TƯ CÁCH HOẶC BỊ BÃI NHIỆM, MIỄN NHIỆM	13
Điều 13. ĐÌNH CHỈ, TẠM ĐÌNH CHỈ	14
Điều 14. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
Điều 15. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP	15
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN..	16
Điều 16. QUY ĐỊNH VỀ HỌP VÀ CÁC HÌNH THỨC HỌP.....	16
Điều 17. QUY ĐỊNH VỀ CUỘC HỌP ĐẦU TIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	16

Điều 18. QUY ĐỊNH VỀ CUỘC HỌP BẤT THƯỜNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	16
Điều 19. QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	17
Điều 20. THÔNG BÁO VÀ CHUẨN BỊ NỘI DUNG HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	17
Điều 21. BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	18
Điều 22. QUYẾT ĐỊNH THÔNG QUA TẠI CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 23. TỔ CHỨC LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN HĐQT BẰNG VĂN BẢN.....	19
CHƯƠNG V: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 24. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 25. MỐI QUAN HỆ VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH	21
Điều 26. MỐI QUAN HỆ VỚI BAN KIỂM SOÁT	21
CHƯƠNG VI: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC	21
Điều 27. THÙ LAO VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG.....	21
Điều 28. CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN	22
CHƯƠNG VII. HIỆU LỰC THI HÀNH.....	23
Điều 29. TRÁCH NHIỆM THI HÀNH	23

11/3/2025 13:17

CHƯƠNG I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG****1.1. Phạm vi áp dụng:**

Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc chế độ hoạt động, quyền hạn, chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm quản trị ngân hàng theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

1.2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng thống nhất tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và các Công ty con của Techcombank.

Điều 2. ĐỊNH NGHĨA/THUẬT NGỮ

- 2.1 “Techcombank” : Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Kỹ thương Việt Nam
- 2.2 “HĐQT” : Hội đồng quản trị của Techcombank
- 2.3 “BKS” : Ban kiểm soát của Techcombank
- 2.4 “Chủ tịch HĐQT” : Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
- 2.5 “Thành viên HĐQT” : Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
- 2.6 “Hệ thống Techcombank”: gồm Techcombank và các Công ty con của Techcombank.
- 2.7 “Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em” của cá nhân: là vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha của cá nhân đó.

Điều 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 3.1 HĐQT là cơ quan quản trị Techcombank, có toàn quyền nhân danh Techcombank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Techcombank, trừ những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 3.2 HĐQT của Techcombank phải có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. HĐQT

phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Techcombank.

- 3.3** Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá 02 thành viên HĐQT, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.
- 3.4** Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
- 3.5** Trường hợp HĐQT có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và quy định của Quy chế này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Techcombank phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các Tổ chức tín dụng.
- 3.6** HĐQT gồm có Chủ tịch HĐQT, các phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐQT do các thành viên HĐQT bầu hoặc bãi miễn với đa số phiếu bằng thể thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết, nếu có 02 Phó Chủ tịch trở lên thì có thể bầu 01 Phó Chủ tịch thứ nhất (nếu xét thấy cần thiết).
- 3.7** HĐQT thành lập các Ủy ban/Hội đồng, bộ phận tham mưu, giúp việc trực thuộc HĐQT để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Quy chế này, *Điều lệ Techcombank* và theo quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn ở các Ủy ban/Hội đồng sau:
- 3.7.1** Ủy ban Nhân sự (NORCO).
- 3.7.2** Ủy ban quản lý rủi ro (BRC).
- 3.7.3** Các Ủy ban, Hội đồng khác.
- 3.8** HĐQT sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 4. NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 4.1** HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, kết hợp với sự quản lý, điều phối của Chủ tịch HĐQT. Thành viên HĐQT đều phải chịu trách nhiệm về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật.
- 4.2** Nghị quyết, Quyết định của HĐQT có tính chất bắt buộc thi hành đối với tất cả các đơn vị và cá nhân trong toàn hệ thống Techcombank.

- 4.3 Mọi hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT và bộ máy giúp việc HĐQT phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật và *Điều lệ Techcombank* bảo đảm lợi ích của Techcombank.

Điều 5. NGUYÊN TẮC ỦY QUYỀN CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 5.1 Chủ tịch HĐQT ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch HĐQT hoặc một trong số các thành viên HĐQT đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt tại ngân hàng và/hoặc không tham gia xử lý công việc tại ngân hàng. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT không đủ năng lực pháp lý, bị cấm, bị hạn chế theo quy định pháp luật thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.
- 5.2 Trong quá trình thực hiện, Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện công việc theo đúng nội dung được phân công, các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Techcombank.
- 5.3 Chủ tịch HĐQT với tư cách là Người đại diện theo pháp luật được ủy quyền lại cho người khác thực hiện các công việc của người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Techcombank.

CHƯƠNG II. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC THÀNH VIÊN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 6. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 6.1 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn của Techcombank.
- 6.2 Xây dựng và ban hành các văn bản nội bộ về tổ chức, quản trị, điều hành, quản lý và kiểm soát rủi ro... nhằm đảm bảo hoạt động của Techcombank được quản lý, kiểm soát đầy đủ, an toàn và đạt hiệu quả cao;
- 6.3 Quyết định cơ cấu tổ chức của hệ thống Techcombank, trong đó bao gồm: các Hội đồng/Ủy ban được HĐQT thành lập, bộ máy điều hành, hệ thống các đơn vị thuộc mạng lưới kinh doanh của Techcombank (chi nhánh, phòng giao dịch ...) và công ty con, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Techcombank;
- 6.4 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương (nếu có), Kế toán trưởng, các chức danh trực tiếp tham mưu, giúp việc cho HĐQT (Cố vấn HĐQT, Thư ký HĐQT, lãnh đạo Văn phòng HĐQT và/hoặc Ban Trợ lý HĐQT, Người phụ trách quản trị...), Giám đốc chi nhánh, công ty con, đơn vị sự nghiệp, Trưởng văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- 6.5 Quyết định về việc phát triển hệ thống mạng lưới của Techcombank dưới hình thức

thành lập/mở hoặc chuyển đổi hình thức hoạt động, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, phòng giao dịch,... văn phòng đại diện hoặc thành lập đơn vị sự nghiệp của Techcombank... ; đồng thời quyết định các quy chuẩn cần thiết và các vấn đề khác liên quan đối với từng loại hình trong hệ thống mạng lưới Techcombank;

- 6.6 Thông qua phương án đầu tư góp vốn, liên doanh, mua cổ phần hoặc bán/chuyển nhượng/rút vốn tại dự án, tổ chức, doanh nghiệp hoặc tổ chức tín dụng khác được thực hiện bởi Techcombank hoặc Công ty con Techcombank phù hợp với quy định tại Điều lệ của Techcombank;
- 6.7 Cử hoặc thay thế người đại diện theo ủy quyền của Techcombank tại dự án, tổ chức, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác và quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người này (nếu có);
- 6.8 Quyết định các vấn đề liên quan việc cấp tín dụng và cung cấp các dịch vụ phù hợp quy định pháp luật và *Điều lệ Techcombank*;
- 6.9 Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Techcombank mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% đến dưới 20% vốn điều lệ của Techcombank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- 6.10 Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Techcombank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Techcombank với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Techcombank; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Techcombank; công ty con, công ty liên kết của Techcombank. Người đại diện Techcombank ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ quy định một thời hạn khác. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết;
- 6.11 Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 135, khoản 7 Điều 136 của Luật các Tổ chức tín dụng trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 6.12 Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Techcombank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- 6.13 Có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số lượng ứng viên đề cử, ứng cử thấp hơn số lượng thành viên cần được bầu vào HĐQT và/hoặc xét thấy ứng viên được đề cử, ứng cử không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều lệ

Techcombank và quy định nội bộ có liên quan của Techcombank.

- 6.14 Phê duyệt việc triển khai chi tiết kế hoạch kinh doanh trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc.
- 6.15 Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương.
- 6.16 Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên của Techcombank theo quy định của pháp luật.
- 6.17 Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng của Techcombank theo quy định của pháp luật.
- 6.18 Trình NHNN Việt Nam chấp thuận hoặc chuẩn y các vấn đề theo quy định của pháp luật.
- 6.19 Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản ngân hàng.
- 6.20 Quyết định chào bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại do Techcombank phát hành. Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu và trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của Techcombank.
- 6.21 Quyết định mua lại cổ phần của Techcombank theo quy định tại *Điều lệ của Techcombank* và theo quy định của pháp luật.
- 6.22 Trình báo cáo tài chính hằng năm của Techcombank lên Đại hội đồng cổ đông.
- 6.23 Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- 6.24 Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của BKS.
- 6.25 Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định.
- 6.26 Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của HĐQT.
- 6.27 HĐQT thành lập các Ủy ban, Hội đồng và/hoặc cơ quan trực thuộc HĐQT để tư vấn, tham mưu, giúp HĐQT thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và theo *Điều lệ của Techcombank*. HĐQT quyết định toàn bộ về việc thành lập, giải thể, quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động, ra quyết định của các Ủy ban, Hội đồng và/hoặc cơ quan nêu trên.

6.28 Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật, *Điều lệ Techcombank* quy định hoặc được Đại hội đồng cổ đông giao/phân cấp/ủy quyền.

6.29 Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của *Điều lệ Techcombank*⁽¹⁾ và theo quy định của pháp luật.

Điều 7. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Techcombank và có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

- 7.1** Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
- 7.2** Triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT.
- 7.3** Chỉ đạo công tác chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp và tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- 7.4** Thay mặt HĐQT ký các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- 7.5** Tổ chức thực hiện và giám sát quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- 7.6** Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 7.7** Đảm bảo các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét.
- 7.8** Lập chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT thực hiện quản trị hoạt động của Techcombank. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên sẽ được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
- 7.9** Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn của họ.
- 7.10** Giám sát Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương trong việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- 7.11** Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban/Hội đồng của HĐQT tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
- 7.12** Quyết định việc tiếp nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều chuyển công tác, khen thưởng, kỷ luật, xác định cấp hàm và chế độ đãi ngộ với các Cán bộ nhân viên/Người lao động làm việc tại bộ phận tư vấn, tham mưu, giúp việc cho HĐQT (Văn phòng HĐQT ...trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT) và các trường hợp khác theo quy định của HĐQT.
- 7.13** Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm quyết định của chủ sở hữu/cổ đông/thành viên góp vốn tại các công ty con của Techcombank theo quy định của pháp

luật và điều lệ của các công ty con đó.

- 7.14 Quyết định các cấp phê duyệt, ra quyết định và thẩm quyền, điều kiện của các cấp này của Techcombank trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Tổng Giám Đốc theo quy định của pháp luật.
- 7.15 Quyết định các vấn đề còn lại về quản trị và hoạt động của Techcombank nếu không được quy định rõ trong Điều lệ Ngân hàng, trừ trường hợp vấn đề đó thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Tổng Giám Đốc theo quy định của pháp luật.
- 7.16 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quyết định của HĐQT, quy định của *Điều lệ Techcombank* và theo quy định của pháp luật.

Điều 8. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 8.1 Cùng với các thành viên khác của HĐQT quản trị ngân hàng theo quy định của Điều lệ của Techcombank và theo quy định của pháp luật.
- 8.2 Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên HĐQT theo đúng các nội dung tại Quy chế này và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực vì lợi ích của Techcombank.
- 8.3 Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Techcombank trong từng thời kỳ.
- 8.4 Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành Techcombank, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
- 8.5 Thực hiện bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT theo quy định tại *Điều lệ Techcombank*.
- 8.6 Yêu cầu Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường theo quy định tại Quy chế này, *Điều lệ Techcombank* và quy định của pháp luật.
- 8.7 Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật.
- 8.8 Tham dự các cuộc họp HĐQT, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Techcombank và quy định của pháp luật, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước HĐQT về những quyết định của mình.
- 8.9 Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- 8.10 Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT về việc thực hiện nhiệm

vụ được giao khi được yêu cầu.

- 8.11 Được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Techcombank và của các đơn vị trong Techcombank. Việc đưa ra yêu cầu và tổ chức thực hiện các yêu cầu của thành viên HĐQT tuân theo các quy định do cấp có thẩm quyền của Techcombank ban hành trong từng thời kỳ.
- 8.12 Kế khai các lợi ích liên quan, người liên quan theo quy định pháp luật với Techcombank định kỳ hàng năm và bất thường (khi phát sinh, khi có sự thay đổi hoặc theo yêu cầu của HĐQT/Chủ tịch HĐQT).
- 8.13 Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao theo quy định pháp luật và Điều lệ Techcombank.
- 8.14 Báo cáo, công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Techcombank theo quy định của pháp luật.
- 8.15 Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Techcombank, công ty con, công ty do Techcombank nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Techcombank với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- 8.16 Lập báo cáo đánh giá công tác đảm nhiệm vị trí định kỳ hoặc bất thường để HĐQT/Chủ tịch HĐQT lập báo cáo ĐHCĐ hoặc các cơ quan có thẩm quyền về hoạt động của HĐQT, thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật
- 8.17 Thành viên HĐQT độc lập của Techcombank phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.
- 8.18 Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 18 Điều 70 của Luật các Tổ chức tín dụng;
- 8.19 Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Techcombank và theo quy định của pháp luật.

Điều 9. NGHĨA VỤ CỦA CHỦ TỊCH VÀ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 9.1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, *Điều lệ Techcombank*, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của Techcombank.
- 9.2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của Techcombank.
- 9.3. Trung thành với lợi ích của Techcombank; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội

kinh doanh của Techcombank, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Techcombank để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Techcombank.

- 9.4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Techcombank về quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi HĐQT đã xem xét và chấp thuận.
- 9.5. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với ngân hàng hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của ngân hàng.
- 9.6. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình theo quy định tại *Điều lệ Techcombank* vay vốn ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của Techcombank.
- 9.7. Không được tăng lương, thù lao, trả thưởng khi ngân hàng bị lỗ.
- 9.8. Các nghĩa vụ khác được quy định tại *Điều lệ Techcombank*.

CHƯƠNG III. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN BẦU, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM NHIỆM CHỨC VỤ

10.1 Những người sau đây không được là Thành viên HĐQT của Techcombank:

- 10.1.1 Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- 10.1.2 Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
- 10.1.3 Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích; người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
- 10.1.4 Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ;
- 10.1.5 Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân

dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Techcombank;

10.1.6 Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

10.1.7 Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;

10.1.8 Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;

10.1.9 Người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (Giám đốc) của Techcombank, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 54 của Điều lệ Techcombank;

10.1.10 Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

10.2 Người có liên quan của thành viên HĐQT của Techcombank không được là thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc (nếu có) và chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của Techcombank.

10.3 Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên HĐQT và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Techcombank.

Điều 11. NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG CÙNG ĐẢM NHIỆM CHỨC VỤ

11.1 Chủ tịch HĐQT của Techcombank không được đồng thời là người điều hành, thành viên

Ban kiểm soát của Techcombank và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.

11.2 Thành viên HĐQT không phải là thành viên độc lập của Techcombank không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

11.2.1. Người điều hành Techcombank, trừ trường hợp là Tổng giám đốc của Techcombank;

11.2.2. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Techcombank hoặc của công ty mẹ của Techcombank hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;

11.2.3. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

11.3 Thành viên độc lập HĐQT của Techcombank không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

11.3.1. Người điều hành Techcombank;

11.3.2. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;

11.3.3. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

11.4 Thành viên HĐQT không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá năm (05) công ty khác.

11.5 Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, mỗi thành viên HĐQT chỉ được là Trưởng ban của một Ủy ban nêu tại Khoản 3.7.1 và Khoản 3.7.2 Điều 3 Quy chế này.

Điều 12. NHỮNG TRƯỜNG HỢP ĐƯƠNG NHIÊN MẤT TƯ CÁCH HOẶC BỊ BÃI NHIỆM, MIỄN NHIỆM

12.1 Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT:

12.1.1 Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 10 của Quy chế này;

12.1.2 Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Techcombank khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;

12.1.3 Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

12.1.4 Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

12.1.5 Khi tổ chức tín dụng bị thu hồi giấy phép;

12.1.6 Chết;

12.1.7 Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ Techcombank.

12.2 Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch, Thành viên HĐQT:

12.2.1 Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi HĐQT, BKS của Techcombank;

12.2.2 Không tham gia hoạt động của HĐQT (đối với thành viên HĐQT) trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

12.2.3 Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành;

12.2.4 Thành viên độc lập của HĐQT không đáp ứng quy định tại Điều 11.3 và Điều 15 của Quy chế này;

12.2.5 Các trường hợp khác do Điều lệ Techcombank quy định.

12.3 Sau khi đương nhiên mất tư cách hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

12.4 HĐQT phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 12.1 Điều này (trừ trường hợp tại điểm 12.1.5) gửi Ngân hàng nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày đối tượng đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

12.5 Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại khoản 12.2 Điều này, HĐQT phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 13. ĐÌNH CHỈ, TẠM ĐÌNH CHỈ

13.1 Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, các thành viên HĐQT tổ chức tín dụng vi phạm quy định tại Điều 11 Quy chế này, Khoản 10 Điều 48 Luật các Tổ chức tín dụng hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 14, Điều 15 của Quy chế này; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.

13.2 Ban kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên HĐQT của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.

13.3 Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản

13.1 và khoản 13.2 Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng nhà nước, HĐQT, BKS của tổ chức tín dụng hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.

Điều 14. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 14.1 Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 10 Quy chế này.
- 14.2 Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
- 14.3 Có trình độ từ đại học trở lên.
- 14.4 Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại cổ phần; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
- 14.5 Không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và thành viên Ban Kiểm soát của Techcombank.

Điều 15. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Ngoài những tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 14 Quy chế này, thành viên HĐQT độc lập phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập như sau:

- 15.1 Không phải là người đang làm việc cho Techcombank hoặc công ty con của Techcombank hoặc đã làm việc cho Techcombank hoặc công ty con của Techcombank trong 03 năm liền kề trước đó.
- 15.2 Không phải là người hưởng lương và thù lao thường xuyên của Techcombank ngoài những khoản được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên HĐQT được hưởng theo quy định.
- 15.3 Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Techcombank, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Techcombank hoặc công ty con của Techcombank.
- 15.4 Không đại diện sở hữu cổ phần của Techcombank; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Techcombank.
- 15.5 Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN**Điều 16. QUY ĐỊNH VỀ HỌP VÀ CÁC HÌNH THỨC HỌP**

- 16.1** HĐQT có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp của HĐQT do Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền triệu tập.
- 16.2** Phiên họp định kỳ: HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần.
- 16.3** Cuộc họp HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa tất cả hoặc một số thành viên HĐQT đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- 16.3.1** Nghe thành viên HĐQT tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - 16.3.2** Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời;
 - 16.3.3** Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này.
 - 16.3.4** Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như trên được coi là có mặt tại cuộc họp đó. Địa điểm họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.
 - 16.3.5** Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp có sự tham dự thông qua phương tiện điện tử sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng sau đó phải được khẳng định lại bằng các chữ ký trong biên bản hoặc ý kiến đồng ý với Biên bản gửi qua email hoặc bản giấy của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.
- 16.4** Địa điểm họp: HĐQT có thể họp tại trụ sở chính hoặc ở các nơi khác.

Điều 17. QUY ĐỊNH VỀ CUỘC HỌP ĐẦU TIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

Điều 18. QUY ĐỊNH VỀ CUỘC HỌP BẤT THƯỜNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 18.1** Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT bất thường khi xét thấy cần thiết hoặc có một trong các trường hợp sau:
- 18.1.1** Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập HĐQT;

18.1.2 Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm chức danh quản lý khác do Điều lệ Techcombank quy định;

18.1.3 Có đề nghị của ít nhất hai thành viên HĐQT;

18.1.4 Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Techcombank;

18.1.5 Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. Người có thẩm quyền triệu tập họp HĐQT có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của HĐQT.

18.2 Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn (07) bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị theo quy định tại Khoản 18.1 Điều 18 Quy chế này. Trường hợp Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp HĐQT có quyền triệu tập họp HĐQT, các thành viên HĐQT dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.

18.3 Chủ tịch HĐQT sẽ quy định cụ thể các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp HĐQT trong trường hợp cần họp khẩn cấp.

Điều 19. QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

19.1 Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên HĐQT có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên HĐQT khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp HĐQT chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.

19.2 Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên HĐQT dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Việc ủy quyền phải tuân thủ khoản 8.18 Điều 8 của Quy chế này.

Điều 20. THÔNG BÁO VÀ CHUẨN BỊ NỘI DUNG HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

20.1 Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất (03) ba ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp được xác định cụ thể thời

gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên (đối với các thành viên không tham dự họp và có văn bản ủy quyền).

- 20.2** Thông báo mời họp hoặc giấy mời họp được gửi bằng bưu điện, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác do Điều lệ Công ty quy định, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Techcombank.
- 20.3** Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên HĐQT.
- 20.4** Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên HĐQT, các cán bộ quản lý, các chuyên viên khác được mời, có quyền dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 21. BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 21.1** Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 21.1.1.** Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- 21.1.2.** Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- 21.1.3.** Thời gian, địa điểm họp;
- 21.1.4.** Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- 21.1.5.** Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- 21.1.6.** Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp. Đối với các cuộc họp HĐQT có liên quan đến hệ thống kiểm soát nội bộ thì Biên bản phải có ý kiến thảo luận (ý kiến thống nhất và không thống nhất) và kết luận về hệ thống kiểm soát nội bộ.
- 21.1.7.** Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- 21.1.8.** Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- 21.1.9.** Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp (trừ trường hợp thành viên HĐQT có ý kiến qua email hoặc bằng phiếu biểu quyết/văn bản độc lập) và người ghi biên bản.
- 21.2** Biên bản cuộc họp HĐQT phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài (bằng tiếng Anh) và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp



hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.

- 21.3 Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp HĐQT. Chậm nhất sau 07 ngày kể từ ngày họp HĐQT, Văn phòng HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp cho tất cả các thành viên tham dự.
- 21.4 Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Techcombank.
- 21.5 Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Khoản từ 21.1.1 đến 21.1.8 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 22. QUYẾT ĐỊNH THÔNG QUA TẠI CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 22.1 Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo uỷ quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người chủ tọa cuộc họp.
- 22.2 Thành viên HĐQT có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra HĐQT quyết định (bao gồm các giao dịch, hợp đồng giữa Techcombank với thành viên HĐQT và những người có liên quan của các thành viên này và các vấn đề khác theo quy định pháp luật) sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

Điều 23. TỔ CHỨC LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN HĐQT BẰNG VĂN BẢN

- 23.1 Chủ tịch HĐQT/Người có quyền triệu tập họp HĐQT (Sau đây gọi là “Người chủ trì việc lấy ý kiến bằng văn bản”) quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.
- 23.2 Văn phòng HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT. Các thành viên HĐQT phải ký vào văn bản xin ý kiến gửi về Văn phòng HĐQT theo đúng quy định. Nếu quá thời hạn đề nghị gửi lại theo quy định thì văn bản xin ý kiến đó coi như các thành viên không có ý kiến.
- 23.3 Việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản có thể thông qua hình thức gửi thư điện tử đến địa chỉ thư điện tử của từng thành viên HĐQT. Ý kiến trả lời qua thư điện tử có giá trị tương đương với ý kiến được ký bằng văn bản.
- 23.4 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:

- 23.4.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - 23.4.2 Mục đích lấy ý kiến;
 - 23.4.3 Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên HĐQT;
 - 23.4.4 Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - 23.4.5 Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - 23.4.6 Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Techcombank;
 - 23.4.7 Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
- 23.5** Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên HĐQT và gửi về Văn phòng HĐQT theo quy định của ngân hàng. Phiếu lấy ý kiến được kiểm ngay khi nhận được và vấn đề lấy ý kiến có thể được thông qua sau khi nhận đủ số phiếu tán thành cần thiết.
- 23.6** Thư ký HĐQT/Chánh văn phòng HĐQT hoặc nếu Thư ký HĐQT/Chánh văn phòng HĐQT vắng mặt, cán bộ văn phòng HĐQT do Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm/chỉ định thực hiện thủ tục kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu (Sau đây gọi là “Người kiểm phiếu”). Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 23.6.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - 23.6.2 Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - 23.6.3 Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ tính đến thời điểm lập Biên bản kiểm phiếu. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên HĐQT đã tham gia biểu quyết tính đến thời điểm lập Biên bản kiểm phiếu;
 - 23.6.4 Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến tính đến thời điểm lập Biên bản kiểm phiếu;
 - 23.6.5 Họ, tên, chữ ký của Người kiểm phiếu, Người chủ trì việc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 23.7** Người chủ trì việc lấy ý kiến bằng văn bản, Người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 23.8** Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản áp dụng theo nguyên tắc thông qua tại cuộc họp HĐQT tại Điều 22 Quy chế này.
- 23.9** Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15

ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

23.10 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của ngân hàng.

23.11 Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

CHƯƠNG V: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

24.1 Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

24.2 Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

24.3 Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 25. MỐI QUAN HỆ VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết, quyết định để Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định đã ban hành.

Điều 26. MỐI QUAN HỆ VỚI BAN KIỂM SOÁT

26.1 Mối quan hệ giữa HĐQT và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

26.2 Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VI: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 27. THÙ LAO VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG



- 27.1** Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được tính vào chi phí hoạt động của Techcombank theo quy định của pháp luật và Điều lệ Techcombank.
- 27.2** Ngân sách thù lao của HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định hằng năm.
- 27.3** Kinh phí hoạt động của HĐQT và bộ máy giúp việc HĐQT được tính vào chi phí hoạt động của Techcombank.
- 27.4** Việc phân bổ thù lao của Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định nội bộ do HĐQT ban hành.

Điều 28. CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN

- 28.1** Thành viên HĐQT phải kê khai cho Techcombank về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
- 28.1.1** Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
- 28.1.2** Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);
- 28.1.3** Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
- 28.1.4** Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
- 28.2** Thành viên HĐQT phải gửi thông tin cho Techcombank bằng văn bản khi cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
- 28.3** Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Techcombank đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Techcombank.

CHƯƠNG VII. HIỆU LỰC THI HÀNH**Điều 29. TRÁCH NHIỆM THI HÀNH**

- 29.1** Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/4/2025.
- 29.2** Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 26/4/2025. Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam số 23/2024/QyĐ1-TCB ngày 15/8/2024 đã hết hiệu lực thi hành, trừ việc thực hiện các quy định chuyển tiếp theo quy định tại Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024.
- 29.3** Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương và các cá nhân, bộ phận có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.
- 29.4** Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do HĐQT đề xuất và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu bên ngoài

Tên	Số hiệu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành
Luật các Tổ chức tín dụng 2024	32/2024/QH15	18/01/2024	Quốc hội
Luật Doanh nghiệp	59/2020/QH14	17/06/2020	Quốc hội
Luật số 03/2022/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Doanh nghiệp	03/2022/QH15	11/01/2022	Quốc hội
Nghị định hướng dẫn về Luật chứng khoán	155/2020/NĐ-CP	31/12/2020	Chính phủ
Thông tư hướng dẫn một số điều về quản trị công ty tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán	116/2020/TT-BTC	31/12/2020	Bộ tài chính
Thông tư 51/2024/TT-NHNN quy định về kiểm toán độc lập đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	51/2024/TT-NHNN	29/11/2024	Ngân hàng Nhà nước

Tài liệu nội bộ

Số tham chiếu ⁽¹⁾	Nội dung	Điều khoản	Văn bản	Số
(1)	Toàn văn bản	Toàn văn bản	Điều lệ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	